

CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ ĐẠO ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP TỈNH QUẢNG NINH VÀ CÔNG TY TNHH MTV BẾN XE – BẾN TÀU QUẢNG NINH KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV BẾN XE – BẾN TÀU QUẢNG NINH**

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

CÔNG TY TNHH MTV BẾN XE – BẾN TÀU QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 354, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0333.846.423

Fax: 0333.515.227

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3941 2626

Fax: (84-4) 3934 7818

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3.944.6666

Fax: (04) 3.944.8071

MỤC LỤC

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ.....	5
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU.5	
I. ĐƠN VỊ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN.....	6
II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN.....	6
III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN.....	6
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	6
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	7
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	7
1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa	7
2. Quá trình hình thành và phát triển	7
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh	8
4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu và địa bàn hoạt động	9
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh.....	9
6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần.....	13
7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa....	15
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	16
9. Danh sách công ty mẹ và công ty con.....	22
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa.....	22
11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa	28
12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa .	30
13. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	31
II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	32
1. Mục tiêu cổ phần hóa	32
2. Điều kiện cổ phần hóa.....	32
3. Hình thức cổ phần hóa	33
4. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần	33
5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	34
6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	34
7. Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa	34

III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA	39
1. Mục tiêu phát triển sản xuất.....	39
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2018	39
3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2020.....	40
4. Chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	41
5. Biện pháp thực hiện	41
PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	44
I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN	44
1. Rủi ro về kinh tế.....	44
2. Rủi ro pháp lý.....	45
3. Rủi ro đặc thù.....	45
4. Rủi ro của đợt chào bán	45
5. Rủi ro khác	46
II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	46
1. Đối tượng mua cổ phần.....	46
2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ	46
3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	46
4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài	48
5. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	48
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA	48
IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	49
1. Đại diện Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp của tỉnh - CQTT Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp của tỉnh	49
2. Đại diện Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh	49
3. Đại diện Tổ chức tư vấn.....	49
V. CAM KẾT CỦA CÔNG TY TNHH MTV BẾN XE – BẾN TÀU QUẢNG NINH.....	50
VI. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI ĐỌC BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	50

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Danh sách lao động tại thời điểm ban hành QĐ phê duyệt giá trị doanh nghiệp 13

Bảng số 2: Cơ cấu lao động dự kiến chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần 14

Bảng số 4: Thống kê đất đai của Công ty tính đến thời điểm 30/09/2014.....	16
Bảng số 5: Tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2014	21
Bảng số 6: Thống kê các phương tiện vận tải tính đến thời điểm 30/09/2014	21
Bảng số 7: Thống kê tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính đến thời điểm 30/09/2014	22
Bảng số 8: Cơ cấu doanh thu thuần từ năm 2012 đến 9T đầu năm 2015	23
Bảng số 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ từ năm 2012 đến 9T đầu năm 2015.....	24
Bảng số 10: Cơ cấu Chi phí sản xuất từ năm 2012 đến 9T đầu năm 2015	25
Bảng số 11: Thống kê các hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đang được thực hiện hoặc đã ký kết tính đến nay	26
Bảng số 12: Tình hình nợ phải trả tính đến thời điểm 31/12/2014 và 30/09/2015	28
Bảng số 13: Tình hình trích lập quỹ tính đến thời điểm 31/12/2014 và 30/09/2015	29
Bảng số 14: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa	29
Bảng số 15: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	33
Bảng số 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2016 -2018	39
Bảng số 17: Phương án tài chính sau cổ phần hóa.....	41
Bảng số 18: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa	48

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh	9
Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức Công ty sau khi cổ phần hóa	34

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.
- Kế hoạch số 3079/KH-UBND ngày 09/6/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh về việc thực hiện công tác chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh năm 2014;
- Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 28/04/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh năm 2014;
- Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND Tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập tổ giúp việc cổ phần hoá công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh;
- Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh;
- Quyết định số 4245/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh thành Công ty CP Bến xe Quảng Ninh.

I. ĐƠN VỊ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3941 2626
- Fax: (84-4) 3934 7818

II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BẾN XE – BẾN TÀU QUẢNG NINH

- Địa chỉ: Số 354, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 0333.846.423
- Fax: 0333.515.227

III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3.944.6666
- Fax: (04) 3.944.8071

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1. “*Công ty*”: Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh
2. “*Cổ phần*”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
3. “*Cổ phiếu*”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
4. “*Cổ đông*”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.
5. “*Cổ tức*”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
6. “*Vốn điều lệ*”: vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

CTCP	Công ty cổ phần.
Công ty TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông.
HDQT	Hội đồng quản trị.
BKS	Ban kiểm soát.
GD	Giám đốc.
CBCNV	Cán bộ công nhân viên.
HĐLĐ	Hợp đồng lao động.
TSCĐ	Tài sản cố định.

SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán.
UBCKNN	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
UBND	Ủy Ban Nhân Dân.
CPH	Cổ phần hóa.
DN	Doanh nghiệp.
GTDN	Giá trị doanh nghiệp

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN BẾN XE – BẾN TÀU QUẢNG NINH.
- Tên giao dịch tiếng Anh: QUANG NINH BUS AND BOAT STATION ONE MEMBER CO.,LTD;
- Tên viết tắt: BXBT CO., LTD
- Trụ sở chính tại: Số 354, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 0333.846.423
- Fax: 0333.515.227
- Website: www.benxebentauquangninh.vn
- Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp: **26.919.861.044 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi sáu tỉ chín trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi một nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng).
- Vốn điều lệ thực góp: **26.919.861.044 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi sáu tỉ chín trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi một nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng)
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 5700100640 đăng ký lần đầu ngày 31/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Bến xe - Bến tàu Quảng Ninh, tiền thân là XN Bến xe Quảng Ninh trực thuộc Sở giao thông vận tải Quảng Ninh, được thành lập ngày 05/01/1990 theo Quyết định số 08/QĐ - UB của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 23/7/1990, Xí nghiệp được UBND tỉnh Quảng Ninh đổi tên thành XN Dịch vụ vận tải khách và du lịch Quảng Ninh.

Ngày 01/02/1993 tại Quyết định số 194/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh đổi tên Xí nghiệp dịch vụ vận tải khách và du lịch Quảng Ninh thành Công ty dịch vụ vận tải khách và du lịch Quảng Ninh.

Ngày 8/7/1997, UBND tỉnh có Quyết định số 2215/QĐ-UB đổi tên Công ty dịch vụ vận tải khách và du lịch Quảng Ninh thành Công ty Quản lý Bến xe - Bến tàu Quảng Ninh.

xe - Bến tàu Quảng Ninh trực thuộc UBND Tỉnh Quảng Ninh, Công ty chính thức đi vào hoạt động theo Luật doanh nghiệp kể từ ngày 31/08/2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Các thành tích đạt được:

- Qua 25 năm hình thành phát triển, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban Nhân dân tỉnh và các ban, ngành trong tỉnh, đặc biệt là Sở Giao thông vận tải Quảng Ninh và Thành uỷ Thành phố Hạ Long, tập thể CBCNV Công ty luôn giữ vững truyền thống đoàn kết, phát huy sức mạnh tổng hợp, năng động, sáng tạo, từng bước khắc phục khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ được giao, xây dựng Công ty phát triển.
- Về cơ sở vật chất và lao động: Khi mới thành lập, cơ sở vật chất của Công ty chỉ có 3 đơn vị là bến xe khách Bãi cháy, bến xe khách Hòn gai và bến đò Cửa lục cùng 55 CBCNV. Qua 24 năm, Công ty đã đầu tư xây dựng được 12 bến xe, cảng tàu khách du lịch Bãi cháy, cảng Cái Rồng và cảng Cô Tô với 174 CBCNV.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Giấy phép đăng ký doanh nghiệp số 5700100640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ hai ngày 06 tháng 01 năm 2015. Công ty TNHH MTV Bến xe - Bến tàu Quảng Ninh có các ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy – Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày – Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác – Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa (Không bao gồm ngành: Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, mã ngành 52245);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp – Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá – Sản xuất nước đá;

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Quản lý, khai thác các bến xe khách trên địa bàn Tỉnh;
- Quản lý, khai thác Cảng tàu khách Du lịch Bãi Cháy, cảng Cái Rồng, cảng Cô Tô.

4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu và địa bàn hoạt động

4.1. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu:

+ *Dịch vụ tại bến xe ô tô*

- Dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô; Dịch vụ cho thuê nơi đỗ xe ô tô qua đêm; Dịch vụ cho thuê mặt bằng kinh doanh trong bến xe; Dịch vụ khác tại bến xe.

+ *Dịch vụ tại cảng tàu*

- Tàu ra vào cảng đón trả khách; Dịch vụ sử dụng vùng nước phao neo; Trông giữ xe ô tô; Thu gom rác thải vệ sinh; Cho thuê địa điểm kinh doanh; Cung cấp nước sạch cho tàu.

4.2. Địa bàn hoạt động

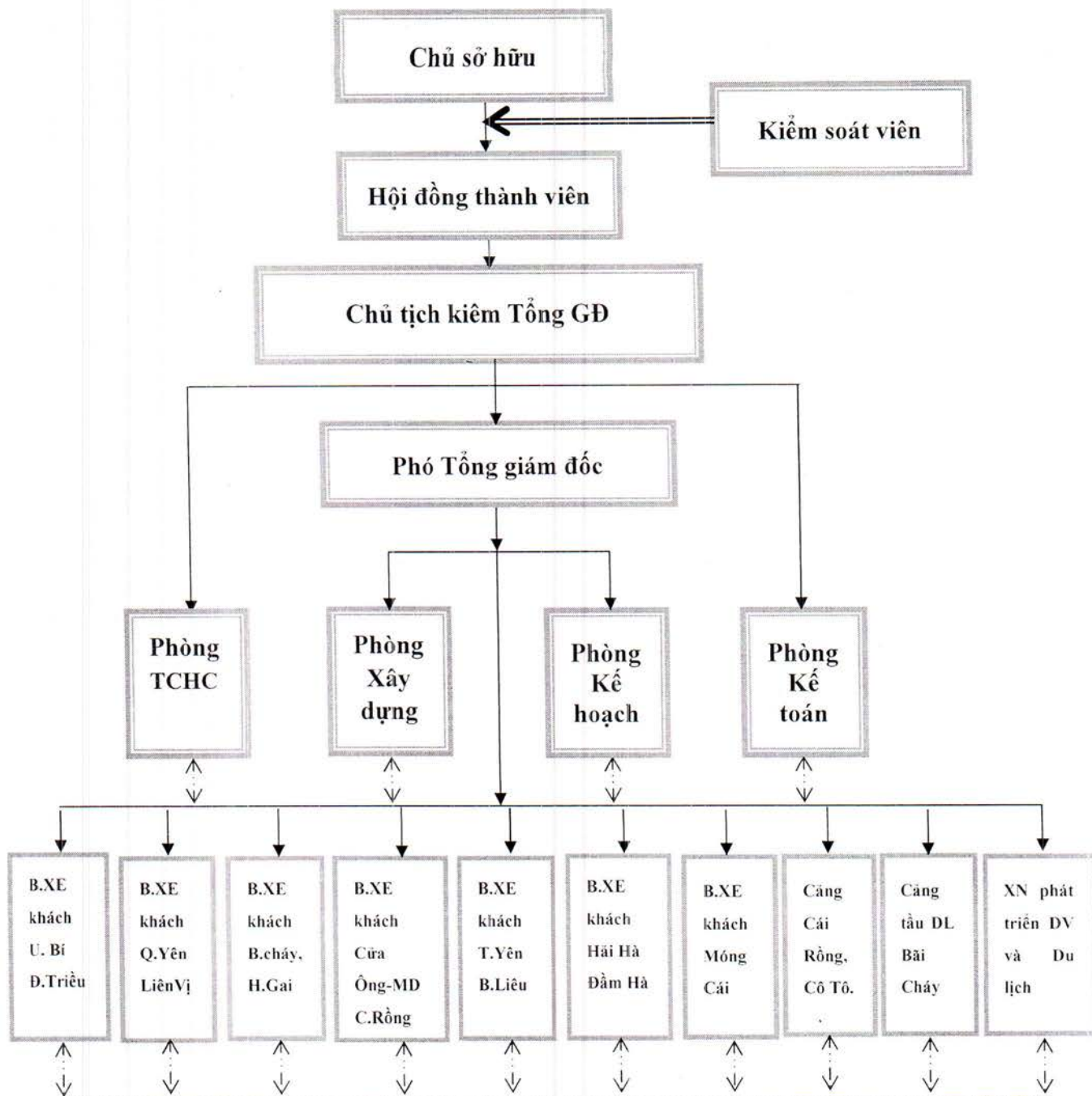
- Các khu vực thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty TNHH một thành viên, Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty bao gồm:

- Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Ban điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc (trong đó 01 Phó tổng giám đốc phụ trách công tác kế hoạch; 01 Phó tổng giám đốc phụ trách công tác xây dựng cơ bản).
- Bộ máy quản lý bao gồm các phòng ban giúp việc Tổng giám đốc được bố trí thành 04 phòng chức năng; 11 đơn vị trực thuộc.

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh



Chú thích:



Biểu hiện quan hệ phối hợp



Biểu hiện quan hệ chỉ đạo



Biểu hiện quan hệ kiểm tra theo Điều lệ công ty

⚡ **Chủ sở hữu Công ty – UBND tỉnh Quảng Ninh:** là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

⚡ **Hội đồng thành viên:** Thực hiện các chức năng đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu

động của công ty, trừ thẩm quyền của chủ sở hữu Công ty, chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định theo Luật doanh nghiệp.

✚ **Chủ tịch Công ty:** là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;
 - Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
 - Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
 - Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Đồng thời Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

✚ **Kiểm soát viên:**

- Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc giám đốc cũng như Ban điều hành trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;
- Kiến nghị chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;

✚ **Tổng Giám đốc:** là người điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch và Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ Công ty; và theo đúng chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty đảm bảo thông suốt, hiệu quả, an toàn, tiết kiệm và phát triển bền vững.

✚ **Phó Tổng Giám đốc:** là người giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty, do Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền quản lý, điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc.

✚ **Phòng Tổ chức hành chính:** Có chức năng tham mưu tổng hợp, quản trị hành chính, phối hợp với các phòng ban chuyên môn, các chi nhánh, đơn vị trực thuộc, phục vụ sự quản lý tập trung thống nhất, sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành mọi mặt công tác của Công ty, giúp việc trực tiếp cho Chủ tịch, Ban Giám đốc.

✚ **Phòng Kế toán**

- Có trách nhiệm quản lý tài chính, tham mưu cho Chủ tịch kiêm tổng giám đốc sử dụng theo đúng quy định của Nhà nước về công tác tài chính;
- Tổ chức hạch toán kế toán phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê
- Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất

- Ghi chép, tính toán phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời đầy đủ tài sản và có hệ thống sự diễn biến các nguồn vốn cấp, vốn vay, giải quyết các loại vốn phục vụ cho việc đầu tư sản xuất kinh doanh của công ty;
- Theo dõi công nợ của công ty, phản ánh và đề xuất kế hoạch thu, chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác. Thực hiện công tác thanh toán đối nội, đối ngoại của Công ty;
- Tính toán và trích nộp đầy đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách và các quỹ;
- Lập đầy đủ và gửi đúng hạn các báo cáo kế toán theo chế độ quy định;
- Tổ chức bảo lưu, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán thuộc bí mật Nhà nước;
- Xây dựng các quy định liên quan đến công tác quản lý tài chính, chứng từ hóa đơn và các ấn chỉ khác; tổ chức phổ biến và hướng dẫn thi hành kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính, kế toán Nhà nước và các quy định của cấp trên về thống kê, thông tin kinh tế cho các bộ phận, cá nhân có liên quan trong công ty và cho các đơn vị cấp dưới;
- Phối hợp với phòng Kế hoạch giúp Tổng giám đốc công ty giao kế hoạch, xét duyệt hoàn thành kế hoạch theo định kỳ;
- Cùng với phòng Tổ chức – Hành chính giải quyết tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động công ty;
- Là thành viên Hội đồng kiểm kê, thanh lý tài sản, thi đua khen thưởng, tiền lương của Công ty.

✚ Phòng Kế hoạch:

Là bộ phận chức năng giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực sau:

- Hướng dẫn các đơn vị thuộc công ty xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn và tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh của toàn công ty;
- Cùng với các phòng nghiệp vụ công ty và các đơn vị trực thuộc để xây dựng đồng bộ các mặt kế hoạch của công ty;
- Chuẩn bị các thủ tục cho Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc công ty giao kế hoạch và xét duyệt hoàn thành kế hoạch của các đơn vị trực thuộc. Giúp Tổng giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, phát hiện các vấn đề và đề xuất hướng giải quyết;
- Soạn thảo và quản lý các Hợp đồng kinh tế theo quy định;
- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc công ty thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch;
- Thường trực công tác khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất của Công ty. Nghiên cứu cải tiến ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác quản lý, sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng quy chế và theo dõi, quản lý các lĩnh vực vận tải, kinh doanh dịch vụ, phòng

chữa cháy, phòng chống bão going và công tác pháp chế của Công ty;

- Thường trực giải quyết công tác khiếu nại, tố cáo của công dân.

➤ Phòng Xây dựng:

Là bộ phận chức năng giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực sau:

- Quản lý các dự án, các phần việc liên quan đến xây dựng cơ bản của công ty theo quy định của Nhà nước về xây dựng cơ bản, chịu trách nhiệm chính trong giám sát đảm bảo chất lượng công trình;
- Khảo sát, thiết kế và lập dự toán các công trình xây dựng phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty thuộc thẩm quyền;
- Đề xuất các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình hiện có;
- Lập kế hoạch và dự toán duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa lớn các công trình của công ty;
- Giám sát việc thi công các hạng mục công trình, đề xuất các giải pháp thay đổi thiết kế và các giải pháp kỹ thuật trong xây dựng trên nguyên tắc bảo đảm tính năng kỹ thuật, chất lượng, tiến độ thi công công trình và tiết kiệm;
- Quản lý hồ sơ đất đai, vùng nước, các công trình xây dựng, hệ thống phao neo đậu. Kiểm tra việc chấp hành các quy định trong công tác sử dụng, khai thác, đồng thời đề xuất các biện pháp khai thác sử dụng có hiệu quả, đảm bảo an toàn cho các công trình;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty ký Hợp đồng với các đơn vị thiết kế để tiến hành các bước thiết kế, tổ chức thẩm tra, xét duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán. Ký Hợp đồng kinh tế trong xây dựng cơ bản;
- Tham mưu đề xuất xây dựng các đề án bảo vệ môi trường, cải tạo nâng cấp các dự án khác như: điện, nước trong toàn công ty.

➤ Các đơn vị trực thuộc (08 Bến xe, 02 Cảng, 01 Xí nghiệp): Hạch toán phụ thuộc Công ty, hoạt động theo sự phân cấp và ủy quyền của Công ty.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có và kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty dự kiến sắp xếp lại toàn bộ lực lượng lao động. Cơ cấu lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (10/06/2015) cụ thể như sau:

Bảng số 1: Danh sách lao động tại thời điểm ban hành QĐ phê duyệt giá trị doanh nghiệp

STT	Chỉ tiêu	Tổng số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo Hợp đồng lao động	174	100%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	04	2,3%
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	155	89,1%
3	Lao động ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	15	8,6%
II	Phân theo trình độ	174	100%
1	Tên, Địa chỉ		

2	Đại học	97	55,7%
3	Cao đẳng, Trung cấp	16	9,2%
4	Trình độ khác	60	34,5%
III	Phân theo Giới tính	174	100%
1	Lao động nam	108	62,1%
2	Lao động nữ	66	37,9%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

Đánh giá chung về tình hình lao động của Công ty:

• **Về trình độ đội ngũ nhân sự**

Người lao động của Công ty có trình độ chuyên môn cao (tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn đại học chiếm trên 55%). Ngoài ra tinh thần thái độ công tác của người lao động cao, nhiệt huyết và gắn bó với công việc. Đặc thù kinh doanh chính của Công ty là quản lý khai thác các bến xe khách, tàu cảng nên việc tuyển dụng lao động có trình độ thấp chiếm 34,5% là hợp lý. Tuy nhiên trong quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa, trong quá trình quản lý bến tàu, bến xe Công ty đã và đang cân đối việc tuyển dụng để giảm tối đa chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công việc tại các bến tàu, bến xe khá nặng nhọc nên cơ cấu lao động theo giới tính của Công ty có sự chênh lệch, lao động nam chiếm 62,1% và lao động nữ chiếm 37,9%.

• **Về chế độ chính sách đối với người lao động**

Người lao động của công ty được trả tiền lương, tiền công phù hợp với năng lực làm việc và các chế độ khác theo quy định; Công ty luôn có chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực nhờ vậy mà các thể hệ cán bộ công nhân viên của công ty luôn kế thừa và phát huy tốt những thành quả của thế hệ đi trước.

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có và các quy định của pháp luật về lao động, chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, xí nghiệp trực thuộc, Công ty dự kiến nhu cầu sử dụng lao động tại Công ty cổ phần là 134 người, cụ thể như sau:

Bảng số 2: Cơ cấu lao động dự kiến chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1. Phân theo trình độ lao động	134	100
- Trình độ Đại học và trên Đại học	85	63,5%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	13	9,7%
- Trình độ khác	36	26,8%
2. Phân theo loại hợp đồng lao động	134	100
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	04	3%
Hợp đồng không xác định thời hạn	130	97%

- Hợp đồng thời hạn từ 1 đến 3 năm	12	9%
- Hợp đồng thời vụ	0	0
3. Phân theo giới tính	134	100
- Nam	85	63,4%
- Nữ	49	36,6%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 10/06/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh. Giá trị Doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/09/2014 của Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh như sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp theo sổ sách kế toán: **32.315.613.669** đồng
- Giá trị thực tế của doanh nghiệp xác định lại: **36.445.040.792** đồng

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp:

- Giá trị thực tế vốn nhà nước theo sổ sách kế toán: **21.898.825.256** đồng
- Giá trị thực tế vốn nhà nước xác định lại: **26.028.252.379** đồng

Bảng số 3: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 30/09/2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	32.315.613.669	36.445.040.792	4.129.427.123
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	16.899.893.260	20.896.644.544	3.996.751.284
1. Tài sản cố định hữu hình	16.899.893.260	20.896.644.544	3.996.751.284
a. TSCĐ hữu hình	16.899.893.260	20.896.644.544	3.996.751.284
b. TSCĐ vô hình	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí XDCB dở dang	-	-	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	15.415.720.409	15.548.396.248	132.675.839
1. Tiền	6.971.433.394	6.971.435.033	1.639
- Tiền mặt tồn quỹ	903.028.361	903.030.000	1.639
- Tiền gửi Ngân hàng	6.068.405.033	6.068.405.033	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	-	-	-
4. Các khoản phải trả ngắn hạn	-	-	-
5. Các khoản dự phòng ngắn hạn	-	-	-
6. Các khoản khác	-	-	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
4. Vật tư, hàng hóa tồn kho	-	-	-
5. Tài sản lưu động khác	85.104.453	85.104.453	-
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
7. CCDC đã phân bổ hết giá trị còn sử dụng	-	132.674.200	132.674.200
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của Doanh nghiệp	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản chờ quyết định xử lý (chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	7.901.958.914	7.901.958.914	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	7.901.958.914	7.901.958.914	-
1. TSCĐ chờ quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền	7.901.958.914	7.901.958.914	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí XDCC dở dang	-	-	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	40.217.572.583	44.346.999.706	4.129.427.123
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	32.315.613.669	36.445.040.792	4.129.427.123
E1. Nợ thực tế phải trả	10.416.788.413	10.416.788.413	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	21.898.825.256	26.028.252.379	4.129.427.123

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

✚ *Tình hình đất đai*

Hiện Công ty đang sử dụng 15 cơ sở nhà đất, cụ thể như sau:

Bảng số 4: Thống kê đất đai của Công ty tính đến thời điểm 30/09/2014

Tên công trình dự án	Tổng diện tích (m ²)	Địa Điểm	Hồ sơ liên quan			Thời gian thuê đất	Mục đích sử dụng hiện tại và sau CPH	Hình thức sử dụng đất sau CPH
			Quyết định giao đất	Giấy cn quyền sử dụng đất	hợp đồng thuê đất			
Bến xe Đồng Triều	1.151	Thị xã Đông Triều	Số 1700/QĐ - UB ngày 27/6/1998	Không	Số: 300/HĐTĐ ngày 05/11/2014	20 năm; từ 27/6/1998 đến 27/6/2018	Làm Bến xe	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm
Bến xe Uông Bí	1.926	Phường Yên Thanh, Thành phố Uông Bí	Số 2120/QĐ - UB ngày 12/8/1998	Không	Số: 36/HĐTĐ ngày 09/3/2015	20 năm; từ 12/8/1998 đến 12/8/2018	Làm Bến xe	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm
Bến xe Vàng Danh	539	Phường Vàng Danh, TP Uông Bí	2120/QĐ - UB ngày 12/8/1998	Không	Số: 36/HĐTĐ ngày 09/3/2015	20 năm; từ 12/8/1998 đến 12/8/2018	Làm Bến xe	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm
Bến xe Quảng Yên	1.386	Thị xã Quảng Yên	Số 2109/QĐ - UB ngày 12/8/1998	Không	Số: 62/HĐTĐ ngày 22/4/2015	20 năm; từ 12/8/1998 đến 12/8/2018	Làm Bến xe	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm
BX. Bãi Cháy (mới)	11.335, 5	Phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long	QĐ giao đất cũ số 2104/QĐ-UB ngày 04/07/2003; QĐ mới Số: 915/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 kèm theo bản trích lục và do vẽ bổ sung xin thuê đất (Giai đoạn I; tỷ lệ 1/500)	Nộp hồ sơ chờ cấp	Số: 317/HĐTĐ ngày 01/12/2014	50 năm; từ 04/7/2003 đến 04/7/2053	Làm Bến xe	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm

V. phòng Công ty mới	515,12	Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long	Số 1367/ QĐ - UBND ngày 07/5/2003	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BO 811884 ngày 10/9/2013.	Số: 244/HĐTD ngày 05/7/2013.	50 năm; từ 07/5/2003 đến 07/5/2053	Làm văn phòng	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm
V. phòng Công ty cũ (Trụ sở XN Phát triển dịch vụ du lịch)	438,5	Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long	QĐ giao đất cũ Số 1699/QĐ-UBND ngày 27/06/1998; QĐ mới Số: 1238/QĐ-UBND ngày 08/5/2015	Nộp hồ sơ chờ cấp	Số: 252 /HĐTD ngày 18/12/2015	50 năm; từ 27/6/1998 đến 27/6/2048	Làm văn phòng	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm
Bến xe Cửa Ông	7.325,1	Thành phố Cẩm Phả	QĐ giao đất cũ Số 3601/QĐ-UB ngày 08/10/2002; QĐ mới Số:1448/QĐ-UBND ngày 04/7/2014	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BO 847207 ngày 09/4/2015.	Số: 350/HĐTD ngày 31/12/2014	50 năm; từ 22/8/2002 đến 22/8/2052	Làm Bến xe	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm
BX.Cái Rồng	15.708,66	Huyện Vân Đồn	Số:1549QĐ-UBND ngày 15/5/2009	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE326667 ngày 23/8/2011	Số: 229/HĐTD ngày 13/8/2014	50 năm; từ 15/5/2009 đến 15/5/2059	Làm Bến xe	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm

Bến xe Hải Hà	6.424,7	Thị trấn Hải Hà Huyện Hải Hà	QĐ cũ số 1532/QĐ-UB ngày 31/05/2001 QĐ mới Số:1409/QĐ-UBND ngày 26/5/2015	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB 324152 ngày 29/9/2015.	Số: 163/HĐTD ngày 18/9/2015	36 năm; từ 26/5/2015 đến 31/5/2051	Làm Bến xe	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm
Bến xe Tiên Yên	491,7	Thị trấn Tiên Yên, Huyện Tiên Yên	Quyết định số 34/TC/CB ngày 21/01/1991 của Sở giao thông vận tải Quảng Ninh; Số:2784/QĐ-UBND ngày 24/11/2014)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB 324347 ngày 24/12/2015.	Số: 58/HĐTD ngày 20/4/2015	50 năm; từ 22/11/1991 đến 22/11/2041	Làm Bến xe	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm
Bến xe Bình Liêu	495,8	Thị trấn Bình Liêu, Huyện Bình Liêu	Số:1893QĐ-UBND ngày 03/7/2015	Không	Số: 260/HĐTD ngày 22/12/2015	5 năm; từ 03/7/2015 đến 31/12/2020	Làm Bến xe	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm
Bến xe Móng Cái	12.444,4	Phường Ka Long, Thành phố Móng Cái	QĐ giao đất cũ Số 599/QĐ-UB ngày 20/03/1999, QĐ 3390/QĐ-UB ngày 18/12/2000 QĐ mới Số:719/QĐ-UBND ngày 15/04/2014	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CB 324357 ngày 31/12/2015.	Số: 295/HĐTD ngày 30/10/2014	50 năm; từ 08/10/1999 đến 08/10/2049	Làm Bến xe	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm
Cảng tàu Du lịch Bãi Cháy	6.772	Phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Số 2715/ QĐ - UB ngày 23/10/1996				UBND tỉnh quyết định thu hồi	

Bến xe Hòn gai	2.330	Phường Hòn Gai TP Hạ Long	Số 1699/QĐ - UB ngày 27/6/1998	UBND tỉnh quyết định thu hồi
----------------	-------	---------------------------------	-----------------------------------	------------------------------------

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

c thuê đất từ thửa 1 đến thửa 13 đã được kỳ họp đồng thuê đất, hình thức trả tiền thuê đất hàng năm;

ti thuê của Nhà nước, trả tiền thuê đất hàng năm nên không tính vào GTDN (Căn cứ theo Điều a Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 về chuyển doanh nghiệp 100% nhà nước thành công ty có phần:” a) Đối với diện tích đất thuê theo phương thức trả tiền thuê đất hàng năm thì doanh nghiệp thực hiện trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành và không tiền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp”)

n cứ công văn số 5354/UBND-QLDD/ ngày 26/09/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc xác định phương án sử dụng đất sau có phần hóa của Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng a, Công ty đã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để hoàn thiện hồ sơ đất đai theo quy định của Pháp luật như sau:

qua 7, Văn phòng Công ty cũ (Trụ sở XN Phát triển dịch vụ du lịch), theo Quyết định số 1696/QĐ-UB ngày 27/06/1998 của UBND Tỉnh, Khu đất này có diện tích 410 m2, theo Quyết định số 1238/QĐ-D ngày 08/5/2015 diện tích đất là 438,5m2

Đ ngày 08/5/2015 diện tích đất là 438,5m2

qua 11, Bến xe Tiên Yên, theo Quyết định số 34TC/CB ngày 21/01/1991 của Sở GTVT Bến xe này có diện tích 485,62 m2, theo Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 diện tích đất là 491,7m2

qua 12 Bến xe Bình Liêu, theo Quyết định số 34TC/CB ngày 21/01/1991 của Sở GTVT Bến xe này có diện tích 664 m2, theo Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 diện tích đất là 495,8m2.

qua 14, Cảng tàu Du lịch Bãi Cháy, UBND tỉnh đã có chủ trương di chuyển bến tàu du lịch về cảng tàu Tuần Châu (văn bản số 4055/UBND-QH1 ngày 25/07/2014), Doanh nghiệp không có quyền quản lý khai thác Cảng tàu Du lịch Bãi Cháy này, nên trong phương án sử dụng đất sau khi có phần không có thửa đất này.

qua 15, Bến xe Hòn Gai, UBND tỉnh đã có chủ trương cho Tập đoàn vingroup nghiên cứu quy hoạch tổng thể Khu dịch vụ cao cấp từ sân vận động Hòn Gai đến Bến phà Bãi Cháy cũ (thông báo số 192/Tb-Đ ngày 06/09/2014). Trong phương án sử dụng đất sau khi có phần không có thửa đất này.

ững thửa đất 1, 2, 3, 4, 12 không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đều hết hạn vào năm 2018 và 2020. Trong vòng 6 tháng trước khi hết hạn thời gian thuê đất, Công ty sẽ làm thủ tục xin gia hạn hai thuê đơn vị tư vấn đo đạc lại, lập hồ sơ xin thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

c quyết định giao đất mới thay thế các quyết định cũ, các quyết định cũ đều không còn hiệu lực thi hành.

✚ Tài sản cố định

Bảng số 5: Tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2014

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	Tài sản cố định đang dùng	31.947.817.418	16.899.893.260	46.964.002.896	20.896.644.544
1	Nhà cửa vật kiến trúc	30.400.746.509	16.583.221.905	45.416.931.987	20.397.227.544
2	Phương tiện vận tải	1.547.070.909	316.671.355	1.547.070.909	499.417.000
B	Tài sản chờ thanh lý	-	-	-	-
C	Tài sản chờ quyết định xử lý	16.833.509.681	7.901.958.914	16.833.509.681	7.901.958.914
1	Nhà cửa vật kiến trúc	16.833.509.681	7.901.958.914	16.833.509.681	7.901.958.914
D	Tài sản cố định khác	-	-	-	-
E	TSCĐ hình thành từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Tổng cộng		48.781.327.099	24.801.852.174	63.797.512.577	28.798.603.458

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

Tài sản cố định tại ngày 30/09/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp):

- Nhà cửa vật kiến trúc: Chủ yếu là nhà văn phòng làm việc và nhà cửa, vật kiến trúc tại các bến xe của Công ty. Giá trị TSCĐ ở Bảng 5 không bao gồm nhà cửa vật kiến trúc của Cảng tàu khách du lịch Bãi Cháy và Bến xe Hòn Gai. Vì nhà cửa, vật kiến trúc của Cảng tàu khách du lịch Bãi Cháy và bến xe Hòn Gai tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đơn vị vẫn đang sử dụng, tuy nhiên là tài sản trong thời gian chờ quyết định xử lý nên không đưa vào đánh giá xác định giá trị.

- Phương tiện vận tải: Bao gồm 02 xe ô tô là phương tiện phục vụ công tác của Công ty.

Bảng số 6: Thống kê các phương tiện vận tải tính đến thời điểm 30/09/2014

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ kế toán		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Xe ô tô TOYOTA camry 2,4 BKS 14N 2836	913.728.182	-	913.728.182	182.745.636

HIACE BKS 14B 00225				
Tổng cộng	1.547.070.909	316.671.355	1.547.070.909	499.417.000

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

Bảng số 7: Thống kê tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính đến thời điểm 30/09/2014

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ kế toán		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
A	Văn phòng Công ty	30.108.474.343	16.462.468.338	45.063.507.441	20.276.473.977
1	Bến xe Uông Bí	387.806.688	259.645.946	564.334.689	330.631.777
2	Bến xe Quảng Yên	23.226.440	0	331.241.945	99.372.584
3	Bến xe Bãi Cháy	4.562.690.313	2.274.902.324	6.820.592.514	2.572.420.934
4	Nhà văn phòng công ty	6.636.164.221	3.660.350.274	11.817.822.770	5.318.020.247
5	Bến xe Mông Dương	716.494.546	292.568.598	896.037.198	334.424.150
6	Bến xe Tiên Yên	61.152.380	0	125.332.385	37.599.710
7	Bến xe Hải Hà	2.478.669.252	1.033.370.343	4.881.474.258	1.464.442.277
8	Bến xe Cái Rồng	6.462.054.109	5.075.989.088	6.462.054.109	5.075.989.088
9	Bến xe Cửa Ông	5.429.944.158	2.797.673.816	6.914.696.254	3.100.015.098
10	Bến xe Móng Cái	3.350.272.236	1.067.967.949	6.249.921.319	1.943.558.108
B	Xí nghiệp phát triển dịch vụ, du lịch	353.424.546	120.753.567	353.424.546	120.753.567
Tài sản không đưa vào giá trị DN					
1	Cảng tàu du lịch	16.669.261.681	7.901.958.914	-	-
2	Bến xe Hòn Gai	164.248.000	-	-	-
Tổng cộng		30.461.898.889	16.583.221.905	45.416.931.987	20.397.227.544

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

9. Danh sách công ty mẹ và công ty con

Không có.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

10.1. Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính và kết quả kinh doanh

Dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 15 bến xe khách. Công ty đang quản lý và khai thác 12 bến xe khách trên các địa bàn từ Đông Triều đến Móng Cái. Các bến xe của Công ty đang phục vụ gần 1000 xe ô tô ra vào đón trả khách đi các tuyến liên tỉnh và nội tỉnh. Dịch vụ xe ra vào bến là dịch vụ chính chiếm trên 90% doanh thu đối với toàn bộ doanh thu từ kinh doanh khai thác các bến xe; gần 10% doanh thu còn lại thu từ các dịch vụ : Thuê địa điểm; trông giữ xe ô tô qua đêm...

Dịch vụ hỗ trợ vận tải đường thủy: Ngoài các bến xe, Công ty còn được giao quản lý và khai thác cảng tàu khách du lịch Bãi Cháy, cảng Cái Rồng và cảng Cô Tô (cảng Cái Rồng được giao từ 01/01/2015 và cảng Cô Tô được giao từ 15/4/2015). Dịch vụ hỗ trợ vận tải đường thủy bao gồm các dịch vụ sau:

- + Dịch vụ tàu ra vào cảng.
- + Hoa hồng bán vé thăm vịnh.
- + Trông giữ xe ô tô.
- + Phí cầu bến đối với hành khách.
- + Thuê địa điểm kinh doanh, bán nước sạch, thu gom rác sinh hoạt; hoa hồng bán vé hành khách, cho thuê tàu...

Doanh thu từ cảng tàu khách du lịch Bãi Cháy hiện tại chiếm khoảng gần 50% doanh thu của Công ty, tuy nhiên theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa công ty TNHH MTV Bến xe Bến tàu Quảng Ninh số 1630/QĐ – UBND ngày 10/06/2015, Bến tàu du lịch Bãi Cháy tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, diện tích 6.772 m² được giao đất tại quyết định số 2715/QĐ/UB ngày 23/10/1996 của UBND Tỉnh là tài sản không đưa vào cổ phần hóa, từ tháng 1/2016 Cảng tàu du lịch Bãi Cháy không còn tàu hoạt động nên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty trong các năm tiếp theo.

✦ **Cơ cấu doanh thu giai đoạn năm 2012- 9T đầu năm 2015**

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực hỗ trợ vận tải đường bộ, đường thủy. Cơ cấu doanh thu của Công ty TNHH một thành viên Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh trong từng lĩnh vực hoạt động qua các năm có sự dịch chuyển và biến động về tỷ trọng, cụ thể như sau:

Bảng số 8: Cơ cấu doanh thu thuần từ năm 2012 đến 9T đầu năm 2015

Chỉ tiêu		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		9T đầu năm 2015	
		Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
Doanh thu thuần hàng và cung cấp dịch vụ		29.155	100	30.664	100	34.025	100	25.922	100
Doanh thu từ bến xe ô tô		13.821	47,5	15.028	49	15.504	45,6	12.346	47,6
Doanh thu từ		9.280	31,8	9.583	31,3	11.442	33,6	9.081	35

<i>cảng</i>								
<i>Doanh thu từ Dịch vụ khác</i>	3.157	10,8	2.577	8,4	3.326	9,8	2.043	7,9
<i>Doanh thu từ XN PT Dịch Vụ và Du Lịch</i>	2.897	9,9	3.476	11,3	3.753	11	2.452	9,5

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC tự lập Quý III năm 2015)

Doanh thu của Công ty có xu hướng biến động qua các năm. Năm 2012 Tổng Doanh thu thuần đạt 29.155 triệu đồng, năm 2013 đạt 30.664 triệu đồng tăng 5,18% so với năm 2012. Năm 2014, Tổng Doanh thu thuần đạt 34.025 triệu đồng, tăng 10,96% so với năm 2013. Doanh thu từ Dịch vụ bến xe ô tô chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu Doanh thu của Công ty, luôn chiếm trên 45% doanh thu thuần của Công ty. Doanh thu từ Dịch vụ quản lý Cảng chiếm bình quân trên 30% tổng doanh thu thuần.

Bảng số 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ từ năm 2012 đến 9T đầu năm 2015

Chi tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		9T đầu năm 2015	
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
Lợi nhuận gộp	27.812	95,39	29.361	95,75	32.660	95,99	24.887	96,0
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.155	100	30.664	100	34.025	100	25.922	10

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC tự lập Quý III năm 2015)

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đặc thù là kinh doanh và cho thuê bến bãi, vì vậy, giá vốn hàng bán của Công ty chiếm tương đối nhỏ, chủ yếu là GVHB của đơn vị trực thuộc - Xí nghiệp Phát triển Dịch vụ và Du lịch, Công ty nhập nước sạch về bán và bán lại cho các cảng tàu, của hàng dịch vụ, dẫn đến tỷ trọng Lợi nhuận gộp trên Tổng doanh thu thuần của Công ty khá cao, các năm đều chiếm trên 95%. Trong đó, lợi nhuận gộp từ dịch vụ bến xe ô tô chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng lợi nhuận gộp khoảng trên 40%.

10.2. Nguyên vật liệu

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đặc thù là kinh doanh dịch vụ và cho thuê bến bãi vì vậy sử dụng rất ít nguyên vật liệu. Do đó hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi giá nguyên vật liệu. Tuy nhiên Công ty cũng luôn quan tâm ứng dụng các nguyên vật liệu mới trong đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất cho các bến xe, cảng tàu theo mục tiêu đảm bảo

dụng tại các bến xe, cảng tàu... đã tiết kiệm được chi phí lao động và đảm bảo được độ chính xác.

Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện quản lý hoạt động xe khách liên tỉnh trên bến xe theo quy trình thống nhất, bài bản và chặt chẽ. Trong quá trình quản lý công ty có phân tách rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận và chuyên môn hóa trong việc thực hiện các bước của quy trình. Công ty thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ khoa học, chính xác, dễ hiểu, giảm thiểu sự chồng chéo giữa các khâu, tiết kiệm được chi phí quản lý.

10.5. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Do đặc thù hoạt động khai thác Bến xe và Cảng tàu là dịch vụ hỗ trợ hoạt động vận tải nên các sản phẩm mới của Công ty chỉ hướng đến các dịch vụ phục vụ hành khách và các đơn vị vận tải. Với nguồn vốn có hạn, trong những năm qua, Công ty chỉ hướng đến các dịch vụ nhỏ tại các bến xe như: Xây nhà nghỉ cho lái phụ xe, khu bảo dưỡng sửa chữa phương tiện... Các khu thương mại lớn tại các bến xe tuy được khuyến khích xây dựng nhưng do thị trường nhỏ, nguồn vốn hạn chế nên chưa thể đầu tư, phát triển được.

10.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty không tổ chức riêng bộ phận kiểm tra chất lượng dịch vụ, quy trình sản xuất mà thực hiện việc kiểm tra riêng tại từng khâu cũng như từng bộ phận phòng ban trong quá trình thực hiện hợp đồng với đối tác. Tại các phòng ban nghiệp vụ, Trưởng phòng là người chịu trách nhiệm giám sát và đôn đốc các chuyên viên chính thực hiện các công việc. Công ty duy trì chính sách kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các bộ phận và chuyên viên nghiệp vụ thực hiện hợp đồng. Trưởng các bộ phận cũng như người đứng đầu nhóm sẽ thực hiện việc soát xét cuối cùng việc thực hiện công việc

10.7. Hoạt động Marketing

Quảng bá thương hiệu là một trong những hoạt động mà Công ty vẫn đang và sẽ tiếp tục chú trọng, phát huy trong những năm gần đây nhằm xây dựng hình ảnh của Công ty. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và Website của Công ty đưa những thông tin hữu ích phục vụ nhu cầu đi lại của hành khách và hoạt động của các doanh nghiệp vận tải. Tuy nhiên, do đặc thù của ngành nên các hoạt động Marketing của Công ty vẫn có những hạn chế nhất định.

Bên cạnh đó việc cổ phần hóa Công ty trong thời gian sắp tới sẽ động viên các nguồn lực, đẩy mạnh và phát triển khả năng hoạt động của Công ty trong tương lai.

10.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Chưa có

10.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Do đặc thù của ngành dịch vụ kinh doanh bến tàu bến xe, Công ty tập trung ký kết các hợp đồng có giá trị nhỏ và với số lượng lớn, thống kê một số các hợp đồng doanh nghiệp ký kết như sau:

Bảng số 11: Thống kê các hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đang được thực hiện hoặc đã ký kết tính đến nay

			Tổng giá		
--	--	--	----------	--	--

	đồng	cấp	(1.000đ)	hợp đồng	hợp đồng	
1	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	2.700.000	1 năm	Năm 2015	HTX DV hỗ trợ VT ô tô KaLong
2	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	900.000	1 năm	Năm 2015	HTX DVVT Sơn Hà
3	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	1.150.000	1 năm	Năm 2015	HTX DVVT Thanh Sơn
4	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	480.000	1 năm	Năm 2015	Công ty TNHH VT VIỆT THANH
5	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	930.000	1 năm	Năm 2015	Công ty TNHH Phúc Xuyên
6	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	550.000	1 năm	Năm 2015	HTX DVVTVT Hùng Vương
7	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	690.000	1 năm	Năm 2015	HTX DVVT Ô tô Gia Khánh
8	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	260.000	1 năm	Năm 2015	HTX VT HỒNG HẢI
9	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	250.000	1 năm	Năm 2015	Công ty CPVT Việt Linh
10	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	220.000	1 năm	Năm 2015	Công ty TNHH TM Quân Nam MC
11	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	335.000	1 năm	Năm 2015	Công ty TNHH Vận tải Vũ Tiến Thanh
12	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	110.000	1 năm	Năm 2015	Công ty TNHH VT và TM Tổng hợp Đức Luận
13	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	200.000	1 năm	Năm 2015	XN VT Tiến bộ Thái Bình
14	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	140.000	1 năm	Năm 2015	Công ty CPVT cơ khí ô tô Quỳnh Hưng
15	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	260.000	1 năm	Năm 2015	Công ty Sông biển Hưng Hà
16	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	210.000	1 năm	Năm 2015	Công ty CP Hoàng Hà
	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	100.000	1 năm	Năm 2015	Công ty TNHH VT DVTM Đức

18	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	80.000	1 năm	Năm 2015	Công ty TNHH VT và TM Khương Thủy
19	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	190.000	1 năm	Năm 2015	HTX vận tải ô tô TP Ninh Bình
20	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	85.000	1 năm	Năm 2015	DN tư nhân Luyện Dung
21	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	80.000	1 năm	Năm 2015	DNTN Vũ Ngừ
22	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	160.000	1 năm	Năm 2015	HTX Tấn Thành
23	Hợp đồng bến xe	Xe ra vào bến	165.000	1 năm	Năm 2015	Công ty CPVT DLTM Quang Đông
24	Hợp đồng dịch vụ	Thuê phòng bán vé	24.000	1 năm	Năm 2015	Công ty TNHH VT Hoang Long
25	Hợp đồng dịch vụ	Văn phòng đại diện	24.000	1 năm	Năm 2015	Công ty TNHH Phúc Xuyên
26	Hợp đồng dịch vụ	Văn phòng đại diện	24.000	1 năm	Năm 2015	Công ty CP Bus Vân Đồn
27	Hợp đồng dịch vụ	Thuê địa điểm đặt ATM	36.000	1 năm	Năm 2015	Ngân hàng Á Châu - CN Quảng Ninh
28	Hợp đồng dịch vụ	Thuê địa điểm đặt ATM	36.000	1 năm	Năm 2015	Ngân hàng Quân đội - CN Quảng Ninh
29	Hợp đồng dịch vụ	Thuê địa điểm đặt ATM	36.000	1 năm	Năm 2015	Ngân hàng Đông Nam Á - CN Quảng Ninh
30	Hợp đồng dịch vụ	Thuê địa điểm đặt ATM	72.000	1 năm	Năm 2015	Ngân hàng Ngoại thương - CN Hạ Long

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng số 12: Tình hình nợ phải trả tính đến thời điểm 31/12/2014 và 30/09/2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2014	30/09/2015
I	Nợ ngắn hạn	11.753.382.672	9.790.695.742
1	Phải trả người bán	3.207.018.750	1.638.713.700
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.216.128.521	1.022.255.220

3	Phải trả người lao động	2.661.210.093	2.985.116.093
4	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17.044.500	272.614.711
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.651.970.808	1.449.675.308
6	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	2.422.320.000
II	Nợ dài hạn	-	-
	Tổng cộng	11.753.382.672	9.790.695.742

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC tự lập 9T đầu năm 2015 của Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

Bảng số 13: Tình hình trích lập quỹ tính đến thời điểm 31/12/2014 và 30/09/2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	31/12/2014	30/09/2015
1	Quỹ đầu tư phát triển	1.592.871.369	1.592.871.369
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.651.970.808	1.449.675.308
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	1.331.989.484

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC tự lập 9T đầu năm 2015 của Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

Bảng số 14: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	9 tháng năm 2015
Tổng giá trị tài sản	Đồng	40.631.405.440	39.303.234.426	41.916.214.285	41.285.516.839
Vốn chủ sở hữu	Đồng	30.162.831.613	30.162.831.613	30.162.831.613	31.494.821.097
Nợ vay ngắn hạn Trong đó, nợ quá hạn	Đồng	-	-	-	-
Nợ vay dài hạn Trong đó, nợ quá hạn	Đồng	-	-	-	-
Nợ phải thu khó đòi	Đồng	-	-	-	-
Tổng số lao động	Người	163	164	164	174
Tổng quỹ lương	Đồng	10.171.200.000	10.854.000.000	11.611.200.000	9.709.200
Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng/ng/tháng	5.200.000	5.500.000	5.900.000	6.200.000
Tổng Doanh thu	Đồng	32.139.966.012	32.188.314.387	35.739.407.319	26.373.354.235
Tổng chi phí	Đồng	28.215.591.779	29.199.160.391	31.901.736.773	24.781.364.751
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	3.924.374.233	2.989.153.996	3.837.670.546	1.591.989.484
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3.237.608.742	2.241.865.497	2.960.199.623	1.331.989.484
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,62	7,43	9,81	NA

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC tự lập 9T đầu năm 2015 của Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

Ghi chú: Vốn chủ SH của DN năm 2012-2014 không có biến động, nguyên nhân: Theo Điều 4 Số: 138/2010/TT-BTC ngày 17 tháng 09 năm 2010 về hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Sau khi lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty và trích quỹ khen thưởng phúc lợi thì số lợi nhuận sau thuế còn lại không đủ trích lập quỹ đầu tư phát triển và Công ty không được nhận vốn góp từ chủ sở hữu nên Vốn chủ sở hữu của Công ty giai đoạn 2012 -2014 không thay đổi.

12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

⬇ Thuận lợi

- Lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết, trách nhiệm với công việc.
- Đội ngũ CBCNV Công ty có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm công tác, luôn đoàn kết nhất trí, gắn bó với nghề nghiệp, với Công ty.
- Hiện nay, trên địa bàn Tỉnh Quảng ninh có 3 đơn vị kinh doanh khai thác với 14 bến xe (trong đó Công ty quản lý 11 bến, 3 bến còn lại thuộc hai đơn vị). Là đơn vị quản lý phần lớn số lượng các bến xe trong Tỉnh với nhiều năm kinh nghiệm cùng với cơ sở vật chất không ngừng được hoàn thiện qua các năm là điều kiện thuận lợi để Công ty phát triển.
- Hầu hết các bến xe Công ty quản lý đều có vị trí địa lý tương đối gần các trung tâm Thành phố, thị xã là điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận tải.
- Với sự quan tâm của các cấp, các ngành, đặc biệt là sự chỉ đạo của Sở GTVT Quảng Ninh, mặc dù hoạt động vận tải khách theo các tuyến cố định vẫn còn nhiều bất cập nhưng Quảng ninh vẫn được đánh giá là địa phương có môi trường hoạt động vận tải khách nề nếp, lành mạnh trong số những tỉnh thành đứng đầu cả nước.
- Số lượng đầu xe vận tải tại tỉnh Quảng Ninh có xu hướng giảm nhẹ nhưng chất lượng xe được nâng cao; các đơn vị vận tải đầu tư mua mới xe giường nằm, xe mới, tăng chất lượng dịch vụ thay thế xe cũ kém chất lượng.

⬇ Khó khăn

- Ý thức của bộ phận không nhỏ hành khách và lái phụ xe chưa cao, hiện tượng hành khách không vào bến mua vé đi xe, phương tiện dừng đỗ không đúng nơi quy định còn diễn ra trên địa bàn của nhiều bến xe.
- Do đặc thù địa lý của Quảng Ninh, Quốc lộ 18 xuyên suốt qua hầu hết các Thành phố, thị xã trong tỉnh. Do đó phần lớn hành khách đều đón xe khách dọc đường mà không vào bến xe mua vé gây thất thoát lớn nguồn thu cho các bến xe. Đặc biệt đối với các bến xe Hải Hà, Bình Liêu, Tiên Yên, Quảng Yên, Uông Bí, Vàng Danh, Đông Triều là các bến xe phục vụ các huyện nghèo miền núi hoặc nằm trên trục đường QL 18 hiện thu không đủ bù chi.
- Cảng tàu khách du lịch Bãi Cháy có doanh thu chiếm gần 50% tổng doanh thu toàn Công ty nhưng số lao động chỉ chiếm 30% tổng số lao động toàn Công ty nên việc Công ty không được tiếp tục quản lý và sử dụng cảng tàu sau cổ phần hóa là khó khăn rất lớn cho Công ty cổ phần.
- Đến nay, Công ty vẫn đang quản lý, khai thác cảng Cái Rồng và cảng Cô Tô. Theo tính toán, hàng tháng, bình quân Công ty phải bù lỗ cho hai cảng này trên 140 triệu đồng/tháng (chưa

tính khấu hao tài sản trên 2,5 tỷ đồng Công ty mới đầu tư và tài sản của hai cảng nếu chuyển sang).

– Hoạt động của các bến xe là rất khó khăn, nhiều năm qua hiện tượng cung vượt cầu (phương tiện vận tải và nhu cầu đi lại của nhân dân) khiến lượng phương tiện vận tải hành khách khó có thể tăng trong nhiều năm tới.

– Kinh doanh khai thác bến xe là ngành nghề có điều kiện: Xe vào bến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý tuyến; giá dịch vụ xe ra vào bến do UBND các địa phương quy định là rào cản kém hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

– Hiện nay Công ty còn đang vướng mắc về thuế đất tại một số bến xe đang ảnh hưởng đến quá trình cổ phần hóa.

– Bến xe khách Hồng Gai bị thu hồi làm SXKD của Công ty bị thu hẹp, doanh thu giảm gần 300 triệu đồng/năm, 8 CBCNV mất việc làm gây khó khăn cho Công ty.

13. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

13.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện tại, ở Quảng Ninh, Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh là doanh nghiệp đã có vị thế vững chắc trong lĩnh vực khai thác và quản lý bến xe, bến tàu nên có sức cạnh tranh tương đối lớn so với các công ty khác.

Hơn nữa việc thành lập bến tàu, bến xe để đưa vào kinh doanh không đơn giản vì sẽ gặp nhiều khó khăn về vị trí địa lý. Các doanh nghiệp muốn thành lập bến xe cần có vị trí địa lý thuận lợi tại các địa điểm trung tâm thành phố, thuận tiện cho hành khách đi lại. Tuy nhiên, theo Quyết định số 08/2005/QĐ-BGTVT ban hành ngày 10/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trong đó Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng mới hoặc đầu tư nâng cấp, cải tạo các bến xe đang khai thác. Chủ đầu tư xây dựng mới hoặc đầu tư nâng cấp cải tạo bến xe có thể trực tiếp hoặc gián tiếp kinh doanh, khai thác bến xe. Qua đó, là một doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm, vốn và nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh bến tàu, bến xe, Công ty có thể mở rộng đầu tư khai thác để đạt hiệu quả.

13.2. Triển vọng phát triển ngành

• Về cơ sở hạ tầng:

Trong những năm gần đây hệ thống cơ sở hạ tầng về vận tải đường bộ đã có những bước phát triển vượt bậc. Cụ thể với chiến lược phát triển giao thông giai đoạn 2005 - 2015, tầm nhìn 2020, nhiều dự án trọng điểm (Mở rộng Quốc lộ 1; các đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Lào Cai, Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây...) đã hoàn thiện đưa vào sử dụng có sự tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như sự phát triển các vùng miền trên cả nước.

• Về vị trí địa lý:

Quảng Ninh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc với nhiều lợi thế cùng nhiều các chính sách mời gọi đầu tư; hàng loạt các dự án đường giao thông đã hoàn thiện và đang thi công như: Quốc lộ 18 đoạn Đông Triều - Hạ Long, Quốc lộ 18 đoạn Tiên Yên - Bình Liêu, Đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng mở ra cho Quảng Ninh một diện mạo mới thu hút sự đi lại của nhân dân.

• Về chất lượng phương tiện phục vụ vận chuyển:

Hiện nay, trên địa bàn Quảng Ninh có khoảng 1.000 đầu xe trong và ngoài tỉnh tham gia vận chuyển hành khách. Mặc dù số lượng đầu xe ô tô có xu hướng giảm khoảng 5% trong 03 năm trở lại đây nhưng chất lượng xe được nâng cao rõ rệt. Hệ thống xe vận chuyển cũ được thay bằng xe mới, nhiều hãng xe còn đầu tư xe giường nằm, mở thêm chuyến đêm...với chất lượng phục vụ hành khách ngày càng được nâng cao.

Bên cạnh đó với chính sách xã hội hóa bến xe khách của Chính phủ sẽ giúp thu hút nguồn vốn nhân rồi của xã hội, giúp đầu tư cơ sở vật chất của hệ thống bến xe trên cả nước ngày càng khang trang và đẹp hơn.

13.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, Công ty luôn phát triển và hoạt động theo đúng mục tiêu và định hướng của cơ quan ban ngành từ địa phương đến trung ương, cũng như chỉ đạo của các cấp quản lý.

Cùng với việc khẳng định nâng cao uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty trong ngành, kế hoạch phát triển của công ty giai đoạn 2016 - 2026 và tầm nhìn 2030 của Công ty TNHH Một thành viên Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh - là định hướng phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển chung của tỉnh Quảng Ninh cũng như triển vọng phát triển ngành trong thời gian tới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh nhằm mục tiêu chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu, thay đổi tổ chức quản lý điều hành và phương thức quản trị, mở rộng cơ hội tiếp cận với thị trường vốn và các hình thức huy động vốn đa dạng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa.

Quá trình cổ phần hóa kết hợp với việc sắp xếp lại và đổi mới phương thức quản lý trên các lĩnh vực hoạt động nhằm tạo ra sự chuyên môn hóa trong quá trình sản xuất.

Nâng cao trình độ công nghệ; nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh tạo ra tiền đề phát triển bền vững ngành cấp nước của Công ty sau cổ phần hóa.

2. Điều kiện cổ phần hóa

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh trong các năm từ 2012-30/09/2015, Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh có đủ điều kiện để tiến hành cổ phần hóa, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh là đơn vị nhà nước không thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ.
- Trong những năm qua, Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh luôn hoàn thành các nhiệm vụ của cấp trên giao, đảm bảo kinh doanh có lãi, ổn định và từng bước nâng cao chất lượng đời sống Cán bộ Công nhân viên.
- Ban Lãnh đạo Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên.

– Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh và quy định tại Khoản 3, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh lựa chọn hình thức cổ phần hóa là **“Bán toàn bộ vốn Nhà nước hiện có tại Doanh nghiệp”**.

4. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Giá trị thực tế Doanh nghiệp tại thời điểm 30/09/2014 là **36.445.040.792** đồng

Trong đó:

- Nợ thực tế phải trả là **10.416.788.413** đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước là **26.028.252.379** đồng (*Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, không trăm hai mươi tám triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi chín đồng*).

Căn cứ:

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa.
 - Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Công ty.
 - Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.
- Vốn điều lệ Công ty cổ phần dự kiến : **26.028.250.000 đồng**
- Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phần**
- Tổng số cổ phần : **2.602.825 cổ phần**

❖ **Giá trị phần vốn Nhà nước bán toàn bộ:**

- Số vốn nhà nước bán toàn bộ: **26.028.250.000 đồng** tương đương **2.602.825 cổ phần**

✚ **Cơ cấu vốn điều lệ**

Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh lựa chọn xây dựng phương án Nhà nước không nắm giữ cổ phần. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông như sau:

Bảng số 15: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	0	0	0
2	Người lao động trong Doanh nghiệp	838.900	8.389.000.000	32,23
2.1	Người lao động mua theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước	333.800	3.338.000.000	12,82
2.2	Người lao động mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	505.100	5.051.000.000	19,41
3	Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công Đoàn	78.000	780.000.000	3,00

4	Bán đấu giá công khai	1.685.925	16.859.250.000	64,77
	Tổng Cộng	2.602.825	26.028.250.000	100,0

5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên gọi đầy đủ của Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE QUẢNG NINH**
- Tên tiếng Anh : QUANG NINH BUS STATIONS JOINT STOCK COMPANY;
- Tên viết tắt: BX Quảng Ninh
- Địa chỉ Trụ sở chính: Số 354, Đường Hạ Long, phường, Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 0333.846.423 Fax : 0333.515.227
- Email : bxbtqn@gmail.com
- Website : www.benxebentauquangninh.vn

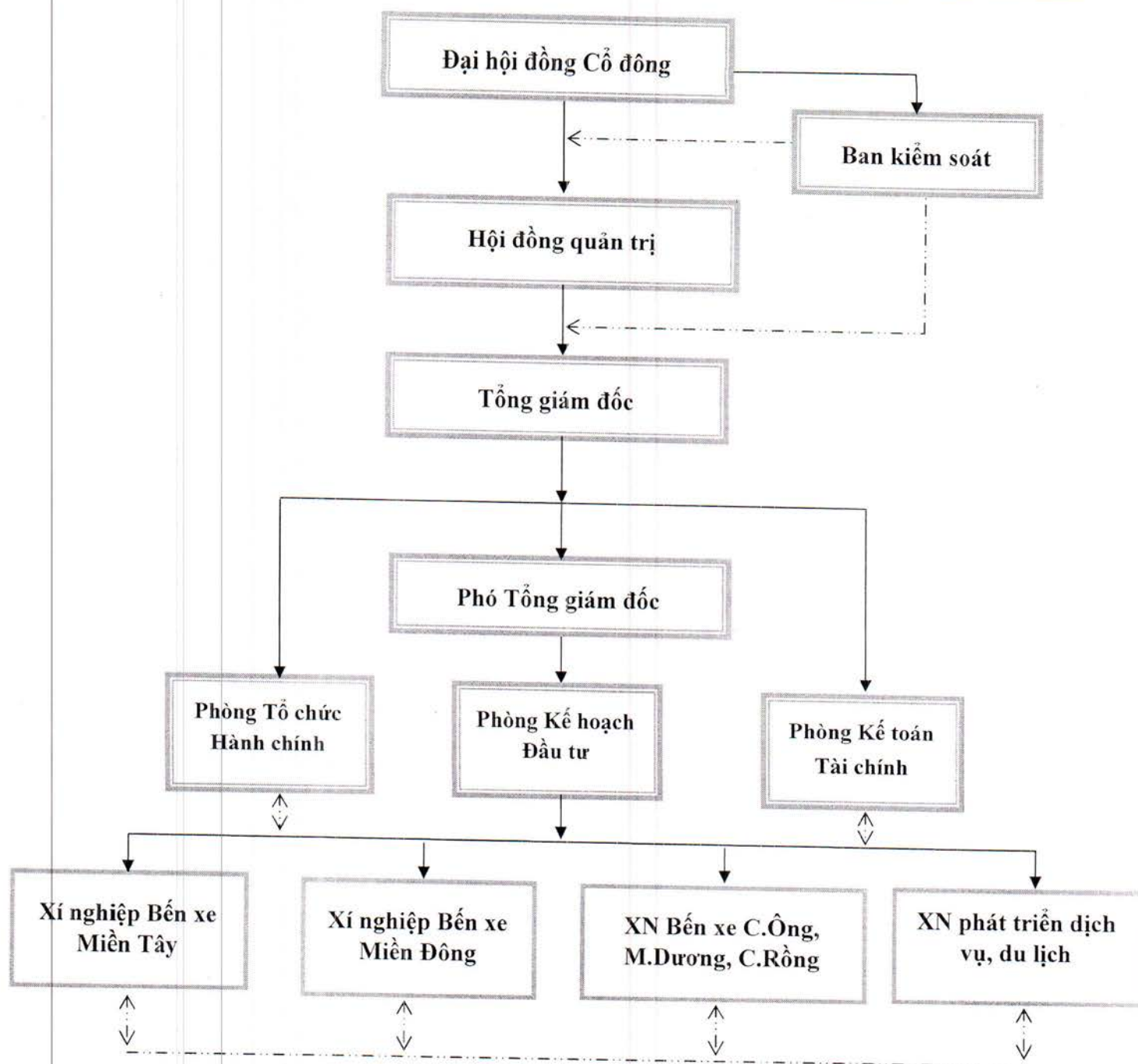
6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Công ty cổ phần Bến xe Quảng Ninh kế thừa các quyền và nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Một thành viên Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh trước khi chuyển đổi, tiếp tục kinh doanh các ngành nghề hiện nay Công ty TNHH Một thành viên Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh đang thực hiện, cụ thể:

- Ngành, nghề kinh doanh chính: Quản lý, khai thác các bến xe khách trên địa bàn Tỉnh.
- Ngành nghề liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh du lịchữ hành.
 - + Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ, đường thủy.
 - + Dịch vụ thương mại.
 - + Cho thuê địa điểm kinh doanh, văn phòng làm việc.
 - + Đại lý xăng dầu, nhiên liệu.
 - + Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống, giải khát
 - + Nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất.
 - + Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết, đá lạnh.
 - + Kinh doanh khác tại các bến xe.

7. Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa

Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức Công ty sau khi cổ phần hóa



Chú thích:



Biểu hiện quan hệ phối hợp



Chỉ đạo trực tiếp



Chỉ đạo chức năng

Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:

✦ **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

✦ **Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

✚ **Ban kiểm soát:**

- Ban kiểm soát kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán nội bộ của Công ty.
- Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn.
- Kiểm tra báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và tính hợp pháp của các chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

✚ **Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty.

✚ **Phó Tổng Giám đốc:** Phó Tổng Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Tổng giám đốc; Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công.

✚ **Các phòng ban:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, trong công tác quản lý, điều hành công ty theo chức năng nhiệm vụ được giao, bao gồm:

▪ **Phòng Kế hoạch – Đầu tư**

Tham mưu giúp Tổng giám đốc công ty xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch tổng hợp SXKD, quản lý kinh tế và xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả.

Lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn hàng năm. Xây dựng kế hoạch phát triển công ty trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, theo dõi giám sát việc thực hiện kế hoạch đó.

Đàm phán dự thảo các hợp đồng kinh tế với các đối tác của Công ty.

Tham mưu giúp Tổng giám đốc trong các kế hoạch SXKD của công ty. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch. Đưa ra giải pháp, biện pháp để giúp các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ, cải tiến hiệu quả SXKD.

Tổng kết kết quả SXKD hàng tháng, hàng quý, 6 tháng đầu năm, cả năm. Báo cáo số liệu SXKD và các báo cáo khác theo yêu cầu của Tổng giám đốc.

Xây dựng giá thành nội bộ cho từng dự án, hơn đồng theo quy chế quản lý của Công ty.

Phối hợp với phòng Kế toán tài chính Công ty lập tiến độ nhu cầu vốn các dự án, thanh quyết toán các dự án.

▪ **Phòng Kế toán tài chính**

Tham mưu giúp Tổng giám đốc Công ty trong việc hoạch định chiến lược và chính sách tài chính, quản lý điều hành và sử dụng vốn có hiệu quả.

Tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty đảm bảo đúng quy chế, quy định của công ty và luật kế toán nhà nước.

Kiểm tra giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, phát hiện ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.

Căn cứ vào kế hoạch SXKD hàng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, lập kế hoạch tài chính: Kế hoạch thu, kế hoạch chi và kế hoạch huy động vốn phục vụ công tác SXKD của công ty.

Phân tích sự biến động thị trường, từ đó đánh giá và dự báo tình hình tài chính của công ty. Đảm bảo vốn kịp thời cho các hoạt động SXKD và các hoạt động khác của toàn công ty theo đúng quy định của Pháp luật và kế hoạch được phê duyệt.

Phối hợp với các phòng ban chức năng xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư xây dựng, trang thiết bị trong toàn công ty.

Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo tình hình tài chính theo yêu cầu của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các cơ quan chức năng.

Tổng hợp kê khai quyết toán thuế, báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm theo quy định của Công ty và Pháp luật.

Phối hợp với các phòng chức năng tổng hợp thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành, đảm bảo đúng các quy định chế độ của Nhà nước.

Thực hiện việc chi trả lương và các khoản chi khác cho người lao động, thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khi được Tổng giám đốc giao.

Phổ biến hướng dẫn kịp thời các chính sách, chế độ mới về quản lý tài chính, hạch toán kế toán của nhà nước đến các đơn vị trực thuộc trong toàn Công ty.

▪ **Phòng Tổ chức – Hành chính**

Tham mưu giúp Tổng giám đốc Công ty thực hiện các chức năng: Tổ chức lao động, tiền lương, hành chính, bảo vệ trật tự an ninh trong nội bộ Công ty, phân cấp quản lý cán bộ của Công ty.

Xây dựng các phương án, các văn bản quản lý về tổ chức, tham mưu cho lãnh đạo về trình độ, phong cách, tình hình nhân lực của Công ty, áp dụng các biện pháp nhằm quản lý hiệu quả nguồn nhân lực và tiền lương.

Xây dựng kế hoạch nhân lực, hướng dẫn thực hiện, tổng kết báo cáo quản trị nhân lực. Xây dựng và thực hiện các đề án, chương trình đào tạo nhân lực và cán bộ, phân cấp và quản lý cán bộ.

Xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về chuyên môn nghiệp vụ, các phương án về chế độ, chính sách, sắp xếp lao động, định mức lao động, năng suất lao động, chính sách tiền lương, tiền thưởng, chế độ làm việc, nghỉ ngơi, chế độ bảo hiểm, bảo hộ lao động, chế độ hưu trí, thôi việc, đảm bảo an toàn về mặt xã hội và pháp luật cho người lao động.

Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, công cụ và phương tiện và điều hành phương tiện thuộc lĩnh vực hành chính, quản lý con dấu, công văn, giấy tờ của Công ty theo quy trình, quy phạm quản lý hành chính nhà nước.

Xây dựng kế hoạch huấn luyện và quản lý lực lượng dân quân tự vệ, thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khi được Tổng giám đốc giao.

✦ **Các đơn vị trực thuộc (Xí nghiệp):** Hạch toán phụ thuộc Công ty, hoạt động theo sự phân cấp và ủy quyền của Công ty.

▪ **Xí nghiệp bến xe**

Quản lý sử dụng lao động có hiệu quả; làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, nâng cao ý thức trong công việc; xây dựng kế hoạch đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đối với người lao động trong đơn vị.

Thực hiện quyền kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về vận tải tại bến xe; kiểm tra giấy tờ của xe, của lái, phụ xe trước khi cho xe vào vị trí xếp khách; kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy định về vận tải của chủ phương tiện theo quy định của Nhà nước, của Công ty.

Lập biên bản các vi phạm, từ chối phục vụ hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các vi phạm quy định quản lý vận tải, hợp đồng kinh tế đã ký kết của doanh nghiệp vận tải, cá nhân kinh doanh dịch vụ tại bến, của lái phụ xe.

Thông tin tuyên truyền, hướng dẫn các quy định của Nhà nước để các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải và hành khách biết thực hiện.

Bố trí sắp xếp xe ô tô ra vào bến đón, trả khách và tổ chức bán vé cho hành khách đi xe đảm bảo khoa học, an toàn và văn minh lịch sự.

Điều hành vận tải khách công cộng theo đúng quy định của Nhà nước, thu các khoản dịch vụ đúng quy định và làm tốt công tác quản lý chứng từ hóa đơn, tài sản của bến.

Phối hợp với chính quyền địa phương và các lực lượng Công an, TTGT trong việc đảm bảo ANTT, ATGT trên khu vực quản lý.

Tổ chức tốt các hoạt động kinh doanh dịch vụ trên các Bến xe do đơn vị quản lý như; Dịch vụ ăn nghỉ, dịch vụ bán hàng, dịch vụ cho thuê địa điểm bán hàng, văn phòng đại diện, phòng bán vé, trông giữ phương tiện, rửa xe...

Quản lý sử dụng lao động có hiệu quả; làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, nâng cao ý thức trong công việc; xây dựng kế hoạch đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đối với người lao động trong đơn vị.

Tổ chức khai thác hiệu quả nhà văn phòng công ty, các dịch vụ du lịch như lễ hành, nhà hàng khách sạn, cung cấp nhiên liệu, sản xuất đá tinh khiết...

III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu phát triển sản xuất

Tiếp tục phát huy thế mạnh của đơn vị trong lĩnh vực kinh doanh, khai thác bến xe; lấy hiệu quả làm trọng tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước mắt tập trung đầu tư cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất hiện có nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và doanh nghiệp vận tải; thông qua đó để thu hút thêm lượng xe vào bến.

Huy động vốn của cổ đông, của mọi thành phần trong xã hội; phát huy các lợi thế có được để tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy hoạt động của công ty cổ phần, trong đó trọng tâm là tối đa hóa lợi nhuận. Từ đó phấn đấu nâng cao thu nhập cho người lao động, cổ tức cho cổ đông và hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

Cải tiến triệt để công tác quản lý điều hành theo hướng nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ hành khách và doanh nghiệp vận tải. Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn.

Tận dụng tốt lợi thế các thửa đất tại các trung tâm đô thị, nghiên cứu thị trường, xem xét phát triển thêm các hoạt động dịch vụ nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại (dịch vụ khuyến khích đầu tư tại bến xe).

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2018

Căn cứ vào mục tiêu và định hướng phát triển, các mục tiêu kinh doanh trong giai đoạn 2015 – 2018, cụ thể như sau:

- Doanh thu tăng từ 3% đến 5%/năm;
- Các khoản nộp ngân sách tăng từ 3% đến 5%/năm;
- Lợi nhuận sau thuế: Tăng từ 4% đến 6%/năm;
- Cổ tức bình quân từ 2 - 4%/năm.

Cụ thể các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch phát triển 3 năm 2016-2018 cụ thể như sau:

Bảng số 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2016 -2018

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	1.000 đồng	26.028.250	26.028.250	26.028.250
2	Tổng doanh thu (*)	1.000 đồng	16.100.000	16.800.000	17.600.000

4	Lợi nhuận chịu thuế	1.000 đồng	1.251.358	1.459.918	1.668.478
5	Thuế TNDN	1.000 đồng	275.299	321.182	367.065
6	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đồng	976.059	1.138.736	1.301.413
	Trích Quỹ dự trữ bắt buộc 5%	1.000 đồng	48.803	56.937	65.071
	Trích Quỹ phúc lợi, khen thưởng 10%	1.000 đồng	97.606	113.874	130.141
	Trích Quỹ đầu tư phát triển 5%	1.000 đồng	48.803	56.937	65.071
7	Tỷ suất LNST/VĐL	%	3,75	4,38	3,59
8	Tỷ lệ Cổ tức dự kiến	(%/năm)	3,00%	3,50%	4,00%
9	Tổng quỹ lương	Đồng	8.844.000.000	9.004.800.000	9.326.400.000
10	Lao động bình quân	Người	134	134	134
11	Thu nhập bình quân của người lao động	Đồng/người	5.500.000	5.600.000	5.800.000

(Nguồn: Phương án CPH Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

(*) Theo Quyết định phê duyệt Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa công ty TNHH MTV Bến xe Bến tàu Quảng Ninh số 1630/QĐ – UBND ngày 10/06/2015, Bến tàu du lịch Bãi Cháy tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, diện tích 12.277.m2 được phê duyệt tại quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của UBND Tỉnh là tài sản không đưa vào cổ phần hóa, từ tháng 1/2016 Cảng tàu du lịch Bãi Cháy không còn tàu hoạt động nên dự kiến doanh thu của Công ty giảm trong các năm tiếp theo.

3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2020

Công ty dự kiến đầu tư xây dựng mới và sửa chữa cải tạo như sau:

A. Đầu tư xây dựng mới:

STT	Tên dự án, Công trình	Dự kiến tổng mức đầu tư (Tỷ VNĐồng)	Ghi chú
1	Bến xe khách Móng Cái	60	
2	Bến xe khách Bãi Cháy	50	GPMB ≈32 tỷ đồng
3	Xây dựng khu văn phòng dịch vụ	15	Trên đất Văn phòng cũ
4	Bến xe khách Liên Vị	7	
5	Đầu tư hoàn thiện Bến xe Cái Rồng	5	
	Tổng cộng	137	

B. Sửa chữa lớn các đơn vị:

STT	Tên dự án, Công trình	Dự kiến tổng mức đầu tư (Tỷ VNĐồng)	Ghi chú
1	Sửa chữa lớn các bến xe (Móng	5	

	Cái, Cửa Ông, Hải Hà)		
	Tổng cộng	5	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

4. Chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

Căn cứ vào định hướng phát triển hệ thống của tỉnh Quảng Ninh, Công ty tiếp tục tập trung kinh doanh, khai thác bến xe, bến tàu; đầu tư xây dựng đồng thời cải tạo và nâng cấp các công trình phục vụ hành khách cũng như các doanh nghiệp vận tải, đáp ứng nhu cầu của thị trường về dịch vụ bến bãi, phát triển và tiến tới đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, đa dạng hoá các hình thức đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Công ty tập trung chủ yếu vào một số nhiệm vụ sau:

- Đầu tư các dự án xây mới, cải tạo và mở rộng các bến xe, bến tàu, để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và du lịch của tỉnh. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị, du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.
- Thực hiện công tác tiết kiệm triệt để các chi phí, chống thất thoát, lãng phí theo vùng. Từ đó thực hiện công khai, minh bạch trong việc phân phối thu nhập cho các cán bộ công nhân viên, giúp các cán bộ công nhân viên trong Công ty nâng cao được mức sống.
- Thực hiện xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu Công ty, đầu tư tài chính và nhân lực để thực hiện chương trình phát triển, quảng bá thương hiệu, nâng cao nhận thức đối với CBCNV về phát triển thương hiệu. Từ đó thâm nhập, phát triển thị trường, đưa dịch vụ của Công ty đến gần hơn với khách hàng.
- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành các bến xe, bến tàu, đổi mới phương thức phục vụ, đưa đến khách hàng các dịch vụ phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Coi trọng khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững.

5. Biện pháp thực hiện

✦ *Phương án tài chính.*

Căn cứ vào định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2018 về tăng trưởng sản xuất, chiến lược đầu tư xây dựng cơ bản, dự kiến kế hoạch vay vốn và trả nợ các dự án, Công ty cổ phần Bến xe Quảng Ninh xây dựng phương án tài chính của Công ty với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Bảng số 17: Phương án tài chính sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến năm 2016	Dự kiến năm 2017	Dự kiến năm 2018
A	Tài sản	Tr.đồng	30.000	32.000.	33.000
I	Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	8.000	10.000	11.000
II	Tài sản dài hạn	Tr.đồng	22.000	22.000	22.000
B	Nguồn vốn	Tr.đồng	30.000	32.000	33.000
I	Nợ phải trả	Tr.đồng	3.081	5.081	6.081
II	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	26.919	26.919	26.919

C	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,11	0,19	0,23
---	----------------------------------	-----	------	------	------

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh)

✚ **Giải pháp kỹ thuật.**

– Tăng cường ứng dụng KHKT vào quản lý điều hành tại các bến xe. Công ty phấn đấu năm 2016, 95% lượng xe Công ty quản lý (tương ứng 6 bến xe lớn) phải được quản lý thông qua phần mềm quản lý bến xe.

✚ **Giải pháp về tổ chức quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ**

– Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả. Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá doanh nghiệp.

– Xây dựng và ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty cổ phần.

– Tiến hành phân cấp quản lý mạnh mẽ, phân định rõ trách nhiệm giữa cấp trên và cấp dưới rõ ràng. Phát huy quyền tự chủ của các xí nghiệp bến xe sau khi cổ phần hóa, đồng thời nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Công ty.

– Cải tạo hệ thống cơ sở vật chất nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và phương tiện ra vào bến.

– Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ của CBCNV: Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện quy chế của Công ty, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm và có thái độ không đúng mực trong công tác, gắn thu nhập với hiệu quả lao động và chất lượng công việc của CBCNV. Kết hợp tuyên truyền và giáo dục đối với CBCNV về ý thức phục vụ.

– Tổ chức các kênh thông tin để tạo điều kiện cho khách hàng và lái phụ xe nhận được đầy đủ thông tin về hoạt động của bến qua đó hành khách có thể tiếp cận và lựa chọn loại hình dịch vụ phù hợp nhất.

– Tăng cường việc quản lý, kiểm tra, xử lý các vi phạm về môi trường. Nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường các bến xe.

✚ **Giải pháp về nâng cao năng lực khai thác các bến xe.**

– Để nâng cao hơn nữa năng lực khai thác hệ thống xe khách ra vào bến Công ty sẽ triển khai xây dựng chiến lược đồng bộ về thị trường mục tiêu, giá cả, hỗ trợ quảng cáo nhằm khẳng định thương hiệu Công ty cổ phần Bến xe Quảng Ninh.

– Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, cải tạo toàn bộ hạ tầng kỹ thuật của bến xe khách Móng Cái, Bãi cháy phấn đấu đạt Loại 2 theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bến xe khách đáp ứng nhu cầu đi lại của hai địa phương có lợi thế nhất trên địa bàn tỉnh.

✚ **Giải pháp phát triển nguồn nhân lực.**

– Bố trí sắp xếp lại lao động cho phù hợp với cơ chế chuyển đổi doanh nghiệp, phù hợp với năng lực, chuyên môn của người lao động.

– Có chế độ, chính sách thu hút, đào tạo cán bộ trẻ coi đó là việc đầu tư cho tương lai. Có chế độ đãi ngộ đối với người có đóng góp đặc biệt trong hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

– Có chế độ ưu đãi, khuyến khích động viên người có năng lực, có tâm huyết vì sự phát triển của công ty.

– Xây dựng và củng cố môi trường làm việc lành mạnh, dân chủ; tạo điều kiện cho những cán bộ có năng lực được cống hiến, phát triển.

– Xây dựng quy chế trả lương hợp lý, khoa học, bảo đảm sự công bằng trong phân phối theo nguyên tắc tiền lương tỷ lệ với sản phẩm và khối lượng công việc, hiệu quả công việc của mỗi người.

✦ *Giải pháp về nâng cao năng lực khai thác các bến xe.*

– Để nâng cao hơn nữa năng lực khai thác hệ thống xe khách ra vào bến Công ty sẽ triển khai xây dựng chiến lược đồng bộ về thị trường mục tiêu, giá cả, hỗ trợ quảng cáo nhằm khẳng định thương hiệu Công ty cổ phần Bến xe Quảng Ninh.

– Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, cải tạo toàn bộ hạ tầng kỹ thuật của bến xe khách Móng Cái, Bãi cháy phân đấu đạt Loại 2 theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bến xe khách đáp ứng nhu cầu đi lại của hai địa phương có lợi thế nhất trên địa bàn tỉnh.

✦ *Giải pháp về xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường.*

– Văn phòng Công ty và các xí nghiệp cần chú trọng xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO, coi đây là một giải pháp quan trọng để phát triển bền vững.

– Công ty sẽ xây dựng chiến lược toàn diện, đồng bộ để củng cố và phát triển thương hiệu. Cụ thể sẽ tiến hành đầu tư về tài chính và nhân lực để thực hiện chương trình phát triển, quảng bá thương hiệu; nâng cao nhận thức đối với CBCNV về phát triển thương hiệu. Phải coi đây là giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh, là con đường chủ yếu để thâm nhập, phát triển thị trường.

✦ *Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể.*

– Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa cấp ủy Đảng, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành.

– Cấp ủy Công ty xây dựng Nghị quyết cho Hội đồng Quản Trị phối hợp Tổng Giám đốc điều hành đưa ra các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

– Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

– Xây dựng Đảng và các tổ chức đoàn thể phát triển vững mạnh.

– Tăng cường giáo dục đội ngũ cán bộ công nhân viên phát huy truyền thống hơn 25 năm phát triển và trưởng thành của Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.

– Các Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất.

– Phát động các phong trào thi đua trên các công trường nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

– Có các giải pháp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong Công ty cổ phần

– Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...

✦ **Giải pháp tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí.**

– Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa cấp ủy Đảng, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành.

– Cấp ủy Công ty xây dựng Nghị quyết cho Hội đồng Quản Trị phối hợp Tổng Giám đốc điều hành đưa ra các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

– Thực hành tiết kiệm triệt để các chi phí, làm tốt công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đã đề ra:

– Tuyên truyền, giáo dục, học tập luật phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, người lao động trong toàn Công ty;

– Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng;

– Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí;

– Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương ... và giám sát việc thực hiện các quy chế.

– Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn chỉnh bộ định mức giao khoán các đơn vị nội bộ.

– Thực hiện hệ thống quản lý chất lượng trong toàn Công ty, áp dụng triệt để các quy chế về quản lý tài chính của Nhà nước, tuân thủ chấp hành việc mua sắm, ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai, minh bạch trong phân phối tiền lương, tiền thưởng và thu nhập của cán bộ công nhân viên.

PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO từ năm 2007, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước tăng trưởng tích cực nhờ các chính sách kinh tế thế giới và việc mở rộng giao lưu và hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh thuận lợi do ký kết các hiệp định thương mại thì việc cạnh tranh ngày càng tăng cao, các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam gia tăng, gây khó khăn thách thức với các doanh nghiệp trong nước.

Trong năm 2015, kinh tế vĩ mô của Việt Nam ngày càng ổn định và lấy lại được đà tăng trưởng khá cao. Năm 2015, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6,68% so với năm 2014; cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và mức tăng trưởng này cao nhất trong giai đoạn 2011-2015. Năm 2015, CPI bình quân tăng 0,63% so với bình quân năm 2014, mức tăng thấp nhất trong 14 năm trở lại đây, chủ yếu là do yếu tố giảm giá của thế giới, tác động vào Việt Nam và cũng kiến tạo nên sự ổn định đối với tổng cầu của nền kinh tế. Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu

2,9%. Kinh tế thế giới năm 2016 được dự đoán là có phục hồi nhưng không vững chắc, chủ yếu là do thương mại toàn cầu suy giảm; khả năng biến động thị trường tài chính do các nước tiếp tục phá giá đồng tiền và lãi suất ở các nền kinh tế chủ đạo tăng ở các mốc thời gian không dự đoán được; giá dầu thấp gây áp lực đến cân đối tài chính ở các nước sản xuất dầu; nguy cơ suy thoái hoặc giảm phát kéo dài ở các nền kinh tế châu Âu, Nhật Bản; các thị trường mới nổi đang gặp nhiều thách thức do các nguyên nhân chính trị, kinh tế, tài chính tiền tệ chi phối. Khả năng phát triển kinh tế tiếp tục bị kìm hãm bởi những yếu tố, như năng suất thấp, dân số ngày càng già hóa và những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

2. Rủi ro pháp lý

Các quy định của Pháp luật về hoạt động kinh doanh của Công ty còn các bất cập và không ổn định. Chính sách hiện nay yêu cầu phương tiện muốn vào bến hoạt động phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý tuyến; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách được xây dựng với các tiêu chí có chất lượng rất cao trong khi giá dịch vụ xe ra vào bến xe lại do các UBND tỉnh quy định; Tuổi đời các bến xe không được lâu dài do quy hoạch các địa phương thường bị thay đổi theo tình hình phát triển chung của địa phương...

Hoạt động của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng của các quy định của các Luật khác nhau như: Luật Doanh nghiệp, Luật Giao thông đường bộ ... Theo dự kiến các sắc Luật này sẽ có sự điều chỉnh cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới do đó sẽ có tác động đến hoạt động SXKD của Công ty.

Tuy nhiên việc thay đổi này sẽ tạo ra các thay đổi tích cực, tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế, giúp thu hút vốn nước ngoài thúc đẩy tăng trưởng kinh tế sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

✚ Rủi ro về ngành:

Hoạt động vận chuyển hành khách cũng là hoạt động có nhiều rủi ro trong quá trình vận hành. Các phương tiện vận chuyển của công ty nếu không được sửa chữa và theo dõi kỹ càng sẽ dễ dẫn đến khả năng xảy ra tai nạn gây thiệt hại cả về kinh tế lẫn uy tín doanh nghiệp.

Hiện tại trên địa bàn cả nước vẫn tồn tại tình trạng có một bộ phận các chủ phương tiện giả danh các xe hoạt động trên tuyến cố định, đưa xe ra ngoài để đón bắt khách ngay trên đường phố, không vào bến. Từ đó làm cho lưu lượng phương tiện, hành khách qua bến bị giảm, ảnh hưởng đến quyền lợi các đơn vị vận tải hoạt động tại bến và ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác của Công ty cổ phần. Bên cạnh đó Công ty có khả năng gặp rủi ro khi phải cạnh tranh với đơn vị khác trong lĩnh vực kinh doanh, khai thác bến xe trên địa bàn Tỉnh, đặc biệt cạnh tranh với bến xe Miền Đông thành phố Hạ Long.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Thị trường chứng khoán của Việt Nam trong thời gian liên tục đi xuống do chịu sự tác động bất lợi từ nền kinh tế thế giới cũng như trong nước đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của nhà đầu tư. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán Việt Nam còn rất non trẻ khi mới trên 10 năm

Bên cạnh đó do hoạt động trong lĩnh vực công ích nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty còn chưa nhiều. Đây là thời kỳ khó khăn của thị trường vốn Việt Nam do vậy việc chào bán cổ phần Công ty ra ngoài công chúng sẽ gặp những khó khăn nhất định.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm người lao động hiện có tại doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua đấu giá (Theo điều 6 và điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ

Theo Quyết định số 812/2014/QĐ-TTg ngày 28/04/2014 về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh năm 2014, Công ty TNHH MTV Bến xe-Bến tàu Quảng Ninh thuộc nhóm những doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không giữ cổ phần đối với doanh nghiệp. Qua ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tỉnh và xét tình hình thực tế, do Công ty đang ở trong giai đoạn cần ổn định nguồn lực, đảm bảo cho phương án Cổ phần hóa thành công đối với một ngành kinh doanh chưa tạo được nhiều sức hút đối với các nhà đầu tư, UBND tỉnh quyết định tỉ lệ Nhà nước nắm giữ tại Công ty cổ phần 0,00% vốn điều lệ, tức là Nhà nước bán toàn bộ vốn hiện có tại doanh nghiệp.

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì báo cáo UBND tỉnh Quảng Ninh thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp của tỉnh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ đề thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Bến xe Quảng Ninh sau khi Công ty cổ phần Bến xe Quảng Ninh đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt điều chỉnh.

3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

➤ Cổ phần người lao động mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1, điều 48, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

■ Tổng số lao động có tên trong danh sách của Công ty tại thời điểm UBND tỉnh Quảng Ninh...

- Tổng số lao động được mua cổ phần theo thâm niên làm việc trong Khu vực Nhà nước là: **174** người.
- Tổng số cổ phần người lao động được mua theo quy định của hình thức trên là **333.800** cổ phần với tổng mệnh giá là **3.338.000.000** đồng chiếm **12,82%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần.
- Giá mua: bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

✦ **Cổ phần người lao động mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần với**

mức giá bằng giá đấu giá thành công thấp nhất.

Theo quy định tại Khoản 2c, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”.

- Tổng số cổ phần lao động mua cam kết là **505.100** cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là **5.051.000.000 đồng**, chiếm **19,41%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- Giá mua bằng 100% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

✦ **Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp**

Theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 18 tháng 7 năm 2011 thì giá bán cổ phần cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp trong trường hợp này là “Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Trường hợp tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được Đại hội cán bộ, công nhân viên chức tại doanh nghiệp cổ phần hóa ủy quyền sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để mua và thay mặt cán bộ công nhân viên chức quản lý cổ phần này thì số cổ phần này được giảm trừ vào số lượng cổ phần ưu đãi người lao động được mua theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này và tổ chức công đoàn được quyền chuyển nhượng hoặc mua lại số cổ phần được mua từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi có yêu cầu của người lao động. Giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này”.

- Số cổ phần mua ưu đãi là **78.000** cổ phần với giá trị là **780.000.000 đồng** chiếm **3%** vốn điều lệ của Công ty cổ phần.
- Giá mua bằng 60% giá đấu (hoặc bán) thành công thấp nhất theo quy định.

Như vậy, số cổ phần bán cho người lao động, tổ chức công đoàn trong Công ty là **916.900** cổ phần tương ứng với **9.169.000.000** đồng tính theo mệnh giá, chiếm **35,23%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.

Thời điểm bán cổ phần cho Người lao động, tổ chức công đoàn: Sau khi tổ chức đấu giá.

4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Tổ chức bán đấu giá **1.685.925 cổ phần** với tổng mệnh giá là **16.859.250.000 đồng** chiếm 64,77% vốn điều lệ Công ty cổ phần.

- Giá khởi điểm: **10.000 đồng/cổ phần** (Bằng chữ: Mười nghìn đồng một cổ phần)
- Địa điểm tổ chức bán đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – Số 2 đường Phan Chu Chinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Thời gian và địa điểm nộp đơn và tiền đặt cọc: Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh.

5. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Các Nhà đầu tư mua cổ phần thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định:

- Nhà đầu tư tham gia đấu giá: Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Bến xe – bến tàu Quảng Ninh.
- Người lao động, tổ chức công đoàn: thanh toán tiền mua cổ phần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thông báo của Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III, Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/ cổ phần, chi tiết cụ thể như sau:

Bảng số 18: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá bán	Giá trị (đồng)
Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(1)			26.028.252.379
Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(2)			26.028.250.000
Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần				-
Giá trị tính theo mệnh giá của cổ phần bán cho người lao động, và bán đấu giá				26.028.250.000
Tiền thu được từ cổ phần hóa	(3)			24.381.050.000
Bán cho CBCNV		838.900		7.053.800.000
- Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước		333.800	6.000	2.002.800.000
- Mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần		505.100	10.000	5.051.000.000
Bán cho nhà đầu tư				

Bán đấu giá lần đầu		1.685.925	10.000	16.859.250.000
Giá trị chênh lệch vốn Nhà nước với vốn điều lệ công ty cổ phần	(4) = (1)-(2)			2.379
Chi phí cổ phần hóa	(5)			300.000.000
Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư	(6)			2.318.000.650
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	(8) = (3)+(4)-(5)-(6)			21.763.051.729

Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh sẽ thực hiện hoàn vốn ngân sách nhà nước theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài.

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Đại diện Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp của tỉnh - CQTT Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp của tỉnh

Ông **Nguyễn Văn Minh** – Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư – Phó ban thường trực Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp của tỉnh

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt.

2. Đại diện Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh

Ông: **Dương Đức Quang** – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty – Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh.

3. Đại diện Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người đại diện : Bà **Trần Thị Thu Hương**

Chức danh : Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đảm bảo rằng việc xây dựng và soạn thảo Bản Công bố thông tin này trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của Luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh.

V. CAM KẾT CỦA CÔNG TY TNHH MTV BẾN XE – BẾN TÀU QUẢNG NINH

Theo Khoản 17, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015, Công ty cần phải được đăng ký để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom, niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định pháp luật về cổ phần hóa, tổ chức phát hành phải hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại doanh nghiệp (nếu có), đăng ký lưu ký cổ phần, cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom;

b) Trường hợp doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng mà đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán và báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Bến xe – Bến tàu Quảng Ninh cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định nêu trên.

VI. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI ĐỌC BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Cảng Cái Rồng, cảng Cô Tô sẽ không thuộc Công ty cổ phần bến xe Quảng Ninh (Chủ trương của UBND Tỉnh Quảng Ninh tại Thông báo số 295/TB – UBND ngày 19/11/2015 của UBND Tỉnh Quảng Ninh đã nêu Giao Sở Giao thông vận tải tham mưu, đề xuất UBND tỉnh về việc giao quản lý các bến Cảng khách Cái Rồng – Vân Đồn, Cảng Cô Tô đảm bảo về công tác quản lý nhà nước, tránh chồng chéo về chức năng quản lý nhà nước với quản lý của doanh nghiệp). Nhưng hiện tại, Công ty đã đầu tư 2,5 tỷ đồng (sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/9/2014) và vẫn phải quản lý, điều hành với doanh thu hàng tháng chỉ bằng 50% chi phí. Mặt khác, ngay trên vùng đất, vùng nước cảng Cái Rồng, UBND Huyện Vân Đồn đã xây dựng gần hoàn thiện một cảng khách Vân đồn mới với kinh phí khoảng 35 tỷ (nguồn vốn ngân sách) sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cảng Cái Rồng.

2. Cảng tàu khách du lịch Bãi cháy sẽ không thuộc công ty cổ phần bến xe Quảng Ninh (theo quyết định số : 1630/QĐ – UBND ngày 10/6/2015 và công văn số 5354/UBND – QLĐĐ1 ngày 26/9/2014), tàu đã chuyển toàn bộ sang cảng Tuần châu nhưng hiện tại Công ty vẫn phải

Quảng Ninh) với 9 lao động trong danh sách lao động của Công ty cổ phần và không có doanh thu.

3. Hiện tại còn vướng mắc chưa giải quyết được về nguồn vốn trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng hai hộ dân tại cổng bến xe khách Bãi Cháy. Số tiền là 892.222.487 đồng (theo các quyết định của UBND thành phố Hạ Long). Hai hộ dân trên không nằm trong Hợp đồng thuê đất của bến xe và nằm ngoài quy hoạch bến xe đã được UBND Tỉnh phê duyệt.

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP CỦA TỈNH
CQT BAN CHỈ ĐẠO ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP CỦA TỈNH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



NGUYỄN VĂN MINH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH BẾN XE – BẾN TÀU QUẢNG NINH
CHỦ TỊCH CÔNG TY



ĐƯƠNG ĐỨC QUANG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA



TRẦN THỊ THU HƯƠNG